

Số: /KH-SGDĐT

Sóc Trăng, ngày tháng 01 năm 2021

## **KẾ HOẠCH**

### **Thực hiện cải cách hành chính năm 2021**

-----

Căn cứ Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về thực hiện cải cách hành chính (CCHC) năm 2021,

Sở Giáo dục và Đào tạo (GDĐT) ban hành Kế hoạch thực hiện CCHC năm 2021, với các nội dung chủ yếu như sau:

#### **I. MỤC TIÊU, YÊU CẦU**

- Thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ CCHC được phân công theo Kế hoạch số 142/KH-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về thực hiện CCHC năm 2021;

- Đẩy mạnh CCHC trên tất cả lĩnh vực, gắn với ứng dụng công nghệ thông tin; sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu quả;

- Tiếp tục cải thiện chỉ số CCHC của cơ quan;

- Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở, căn cứ vào nội dung kế hoạch này và các tiêu chí, tiêu chí thành phần đánh giá chỉ số CCHC ở đơn vị, tiến hành xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả công tác CCHC trong năm 2021. Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở, căn cứ nhiệm vụ được phân công tại Kế hoạch này, tổ chức thực hiện đúng thời gian quy định.

#### **II. CÁC NHIỆM VỤ CCHC**

##### **1. Cải cách thể chế**

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả, trách nhiệm trong quá trình tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến lĩnh vực quản lý; thường xuyên rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan để kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, sửa đổi hoặc bãi bỏ cho phù hợp;

- Kịp thời triển khai, phổ biến các văn bản quy phạm pháp luật để công chức, viên chức, người lao động biết, thực hiện đúng pháp luật;

- Thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật trong lĩnh vực giáo dục ở địa phương theo quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ.

##### **2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)**

- Cập nhật, niêm yết công khai TTHC tại Trung tâm Phục vụ hành chính công, tại cơ quan và trên trang thông tin điện tử của cơ quan; tham mưu ban hành các TTHC

thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định; thực hiện kiểm soát TTHC, rà soát, kiến nghị đơn giản hóa TTHC, rút ngắn thời gian giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của cơ quan;

- Tiếp tục thực hiện Bản cam kết trách nhiệm của người đứng đầu trong cải cách TTHC, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh Sóc Trăng; thực hiện xử lý đầy đủ, kịp thời phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết;

- Tiếp nhận, xử lý và trả kết quả hồ sơ TTHC đảm bảo đúng thời gian quy định.

### **3. Cải cách tổ chức bộ máy**

- Thực hiện rà soát, sắp xếp cơ cấu tổ chức bộ máy và kiện toàn chức năng, nhiệm vụ của cơ quan theo quy định; thực hiện cơ cấu số lượng lãnh đạo đúng quy định;

- Thực hiện đúng quy định về sử dụng biên chế, số lượng người làm việc được giao; thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ được phân cấp quản lý;

- Thực hiện có hiệu quả công tác tinh giản biên chế theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị;

- Thực hiện kiểm tra, theo dõi, đánh giá định kỳ đối với những nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện; xử lý các vấn đề phân cấp phát hiện qua kiểm tra.

### **4. Cải cách công vụ**

- Thực hiện rà soát, hoàn chỉnh bản mô tả vị trí việc làm, khung năng lực công chức, viên chức theo chức năng, nhiệm vụ khi có thay đổi về vị trí việc làm;

- Thực hiện đúng quy định về tuyển dụng viên chức (nếu có) và về ký kết hợp đồng lao động theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP;

- Thực hiện đúng quy định về nâng ngạch, thi, xét thăng hạng viên chức tại đơn vị sự nghiệp công lập; thực hiện đúng quy định về quy hoạch, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ quản lý;

- Tiếp tục đẩy mạnh thực hiện các quy định về kỷ luật, kỷ cương hành chính;

- Thực hiện đúng quy định công tác đánh giá, phân loại, xử lý, kỷ luật công chức, viên chức và người lao động;

- Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ công chức, viên chức theo kế hoạch.

### **5. Cải cách tài chính công**

- Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại cơ quan; nâng cao hiệu quả sử dụng kinh phí quản lý hành chính, hoạt động sự nghiệp đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, tăng thu nhập cho công chức, viên chức và người lao động;

- Thực hiện phân phối thu nhập tiết kiệm, hiệu quả dựa trên cơ sở phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ của công chức, viên chức, người lao động;

- Đẩy mạnh xã hội hóa trong giáo dục, đảm bảo tỷ lệ hài lòng của người dân đối với dịch vụ giáo dục công trên địa bàn tỉnh đạt trên 90%.

## **6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử**

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan; cập nhật dữ liệu nhân sự trên phần mềm quản lý nhân sự; cập nhật trang thông tin điện tử của cơ quan;

- Tiếp tục thực hiện việc tiếp nhận và xử lý TTHC trên phần mềm một cửa điện tử tại Trung tâm Phục vụ hành chính công; nâng cao hiệu quả sử dụng dịch vụ công trực tuyến tối thiểu mức độ 3,4;

- Cập nhật kịp thời, đúng thời gian các thay đổi có liên quan đến hoạt động của hệ thống quản lý chất lượng ISO; thực hiện kế hoạch đánh giá nội bộ và báo cáo kết quả đánh giá nội bộ; công bố hệ thống quản lý chất lượng theo quy định.

## **7. Công tác chỉ đạo, điều hành**

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm người đứng đầu trong chỉ đạo thực hiện công tác CCHC; gắn công tác CCHC với công tác thi đua, khen thưởng công chức, viên chức, người lao động;

- Tăng cường công tác kiểm tra công vụ và kiểm tra việc thực hiện công tác CCHC tại các đơn vị thuộc và trực thuộc;

- Triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền CCHC năm 2021;

- Tổ chức tự đánh giá chỉ số CCHC của cơ quan; đánh giá điểm CCHC của các đơn vị trực thuộc;

- Tổ chức điều tra, đo lường sự hài lòng của người dân về dịch vụ giáo dục công trên địa bàn tỉnh năm 2021.

## **III. PHÂN CÔNG CỤ THỂ CÁC NHIỆM VỤ VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN CCHC NĂM 2021 (theo phụ lục đính kèm)**

### **IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Trưởng các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở, Tổ trưởng Tổ CNTT, Tổ Kiểm soát TTHC, Thư ký ISO, công chức phụ trách công tác pháp chế phối hợp với các bộ phận có liên quan thực hiện tốt tất cả nội dung CCHC được phân công; giải quyết đúng hạn các hồ sơ TTHC (cập nhật xử lý trên phần mềm một cửa điện tử). Đồng thời thực hiện báo cáo định kỳ kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công (gửi kèm minh chứng - file pdf) về phòng TCCB để phòng TCCB tổng hợp báo cáo Sở Nội vụ. Báo cáo quý I gửi chậm nhất ngày 27/02, báo cáo 6 tháng chậm nhất ngày 28/5, báo cáo quý III chậm nhất ngày 27/8, báo cáo năm chậm nhất ngày 17/11. Gửi kèm file mềm vào email: [duongthanhbinh@soctrang.edu.vn](mailto:duongthanhbinh@soctrang.edu.vn).

2. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Sở, căn cứ kế hoạch này và tiêu chí chấm điểm CCHC đối với đơn vị trực thuộc xây dựng và triển khai kế hoạch thực hiện CCHC năm 2021 ở đơn vị chậm nhất trong tháng 01/2021; định kỳ báo cáo kết quả thực hiện

công tác CCHC cho Sở GDĐT: Báo cáo 6 tháng gửi chậm nhất ngày 29/5, báo cáo năm gửi chậm nhất ngày 18/11 (kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện CCHC, các đơn vị scan văn bản định dạng pdf gửi qua email duongthanhbinh@soctrang.edu.vn – không cần gửi văn bản giấy).

3. Phòng Kế hoạch - Tài chính ngoài các nhiệm vụ được phân công tại phụ lục, tham mưu phê duyệt, thanh quyết toán kinh phí CCHC.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện CCHC năm 2021 của Sở GDĐT. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị liên hệ phòng Tổ chức cán bộ, Sở GDĐT để được hướng dẫn./.

***Nơi nhận:***

- Sở Nội vụ;
- Đảng ủy Sở GDĐT;
- GD và các PGD Sở GDĐT;
- Thủ trưởng các đơn vị thuộc và trực thuộc;
- Tổ CNTT; CV phụ trách pháp chế;
- Thư ký ISO;
- Website Sở;
- Lưu: VT, TCCB.

**GIÁM ĐỐC**

**Châu Tuấn Hồng**

**PHỤ LỤC**  
**Phân công nhiệm vụ và triển khai thực hiện CCHC năm 2021**

(Kèm theo Kế hoạch số:                    /KH-SGDĐT ngày                    tháng 01 năm 2021 của Sở GDĐT)

| <b>Nhiệm vụ chung</b>                  | <b>Nhiệm vụ cụ thể</b>   | <b>Sản phẩm</b>   | <b>Đơn vị chủ trì</b>               | <b>Đơn vị phối hợp</b>             |
|--|--|---|-------------------------------------|------------------------------------|
| <b>Công tác chỉ đạo, điều hành</b>     | 1. Lập kế hoạch CCHC năm 2021.   | Kế hoạch CCHC 2021  | Phòng TCCB                          | Các đơn vị thuộc và trực thuộc.    |
|  | 2. Thực hiện báo cáo định kỳ các nội dung được phân công theo quy định                               | Báo cáo   | Các bộ phận; cá nhân được phân công | Các cá nhân, đơn vị có liên quan   |
|  | 3. Xây dựng và tổ chức thực hiện KH tuyên truyền CCHC 2021.  | Kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện tuyên truyền CCHC năm 2021.   | Phòng TCCB                          | Các đơn vị thuộc và trực thuộc.    |
|  |  | Mỗi tháng có ít nhất 01 tin, bài về CCHC đăng website Sở  | Phòng TCCB                          | Tổ CNTT                            |
|  |  | Mỗi quý có ít nhất 01 tin, bài về CCHC gửi và được đăng trên chuyên trang CCHC của tỉnh (tin, bài gửi Sở Nội vụ)            | Phòng TCCB                          | Sở Nội vụ                          |
|  | 4. Kiểm tra công tác CCHC ở các đơn vị thuộc và trực thuộc năm 2021 (20% đơn vị thuộc và trực thuộc) | Kế hoạch và báo cáo kết quả kiểm tra.   | Phòng TCCB                          | Các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở. |
|  | 5. Triển khai thực hiện thực hiện Bản cam kết trách nhiệm của người đứng đầu trong giải quyết TTHC   | Báo cáo kết quả thực hiện Bản cam kết trách nhiệm theo quy định   | Văn phòng                           | Các đơn vị có liên quan            |
|  | 6. Gắn công tác CCHC với thi đua khen thưởng   | Quy định về việc thi đua, khen thưởng có gắn với việc thực hiện CCHC; Quyết định khen thưởng trong thực hiện CCHC năm 2021. | Văn phòng                           | Các đơn vị có liên quan            |
|  | 7. Người đứng đầu phụ trách công tác CCHC của ngành  | - Thông báo phân công nhiệm vụ CCHC đối với Giám đốc;<br>- Các văn bản chỉ đạo, điều hành CCHC do Giám đốc ký.              | Văn phòng, phòng TCCB               | Các đơn vị trực thuộc Sở.          |
| 8. Sáng kiến, giải pháp mới trong CCHC | Thuyết minh sáng kiến, báo cáo   | Phòng TCCB  | Các đơn vị liên quan                |                                    |

|                                    |   |  |                                |                                 |
|------------------------------------|---|--|--------------------------------|---------------------------------|
|                                    | 9. Điều tra đo lường sự hài lòng của người dân về dịch vụ giáo dục công lập năm 2021.   | Lập Phương án điều tra trình UBND tỉnh; Kế hoạch phát phiếu điều tra; BC kết quả điều tra  | Phòng TCCB                     | Các đơn vị liên quan.           |
| <b>Cải cách thể chế</b>            | 10. Xây dựng và triển khai kế hoạch rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến ngành. Xử lý kết quả phát hiện qua rà soát văn bản QPPL thuộc lĩnh vực quản lý của cơ quan đạt tỷ lệ 100% | Kế hoạch và báo cáo kết quả thực hiện.   | Chuyên viên phụ trách pháp chế | Các phòng CM, NV                |
|                                    | 11. Kiểm tra về tình hình thi hành pháp luật lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của Sở.   | - Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật; QĐ thành lập đoàn kiểm tra; Thông báo kết luận hoặc báo cáo kết quả kiểm tra;<br>- Báo cáo khắc phục của đơn vị được kiểm tra. | Thanh tra                      | Các đơn vị có liên quan         |
|                                    | 12. Tham mưu soạn thảo văn bản QPPL trình theo trình tự, thủ tục, tiến độ quy định (khi có yêu cầu).  | - Văn bản yêu cầu tham mưu soạn thảo VB QPPL;<br>- Các hồ sơ liên quan theo quy định.  | Các phòng CM, NV               | Chuyên viên phụ trách pháp chế. |
| <b>Cải cách thủ tục hành chính</b> | 13. Ban hành kế hoạch và qua rà soát có kiến nghị UBND tỉnh phương án đơn giản hóa TTHC và có thông báo rút ngắn thời gian thực hiện TTHC   | - Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC và báo cáo kết quả thực hiện;<br>- QĐ đơn giản hóa TTHC;<br>- Thông báo rút ngắn thời gian giải quyết TTHC.                                    | Văn phòng                      | Tổ kiểm soát TTHC.              |
|                                    | 14. Tham mưu Chủ tịch UBND tỉnh công bố TTHC của cơ quan (kể cả các TTHC áp dụng tại cấp huyện, cấp xã) được sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, bãi bỏ theo quy định của Chính phủ, Bộ, ngành Trung ương   | QĐ công bố hoặc bãi bỏ TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh   | Văn phòng                      | Tổ kiểm soát TTHC.              |
|                                    | 15. Niêm yết, công khai đầy đủ, kịp thời 100% TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và tại website cơ quan  | Báo cáo kết quả thực hiện; thống kê các TTHC được niêm yết   | Văn phòng                      | Tổ CNTT.                        |
|                                    | 16. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị (PAKN) của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở  | Báo cáo kết quả tiếp nhận và xử lý PAKN của cá nhân, tổ chức đối với TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết.   | Văn phòng                      | Tổ kiểm soát TTHC               |

|                                |  |  |                              |                                    |
|--------------------------------|--|--|------------------------------|------------------------------------|
|                                | 17. Tỷ lệ TTHC thực hiện việc tiếp nhận, trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công đạt từ 100% (không bao gồm TTHC theo quy định tại Khoản 5 Điều 14 Nghị định 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ)           | - Thống kê tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết;<br>- Thống kê số TTHC thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và tại Văn phòng Sở GDĐT. | Văn phòng                    | Các đơn vị liên quan               |
|                                | 18. Xây dựng quy trình nội bộ giải quyết đối với từng TTHC thuộc phạm vi quản lý (bao gồm TTHC cấp tỉnh, huyện, xã)  | Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ  | Văn phòng                    | Các đơn vị liên quan               |
|                                | 19. Giải quyết đúng hạn các hồ sơ TTHC (từ 95% trở lên giải quyết đúng hạn). Thực hiện việc xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hạn trong giải quyết hồ sơ TTHC   | - Báo cáo kết quả thực hiện.<br>- Thông báo xin lỗi (nếu có trễ hạn)   | Các phòng CM, NV có TTHC     | Bộ phận TNHS và TKQ                |
|                                | 20. Đánh giá chất lượng giải quyết TTHC của sở, ngành tỉnh tại Trung tâm Phục vụ hành chính công đạt loại tốt trở lên.   | Bảng chấm điểm của Trung tâm Phục vụ hành chính công   | Văn phòng phối hợp, tổng hợp | Trung tâm Phục vụ hành chính công  |
| <b>Cải cách tổ chức bộ máy</b> | 21. Hoàn chỉnh phương án sắp xếp, kiện toàn lại tổ chức theo quy định  | Phương án sắp xếp tổ chức bộ máy   | Phòng TCCB                   | Các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở. |
|                                | 22. Cơ cấu số lượng lãnh đạo sở thấp hơn hoặc bằng số lượng quy định; cơ cấu số lượng lãnh đạo phòng và tương đương thấp hơn hoặc bằng số lượng quy định và không nhiều hơn số lượng công chức chuyên môn.                   | - Báo cáo kết quả thực hiện;<br>- Danh sách lãnh đạo Sở và lãnh đạo các đơn vị.  | Phòng TCCB                   | Đơn vị có liên quan                |
|                                | 23. Thực hiện số lượng công chức, người lao động hiện có mặt tại Sở không vượt so với biên chế giao; số lượng người làm việc, người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập hiện có mặt không vượt so với biên chế giao | Báo cáo tình hình sử dụng biên chế cho Sở Nội vụ   | Phòng TCCB                   | Đơn vị có liên quan                |

|                         |   |   |             |                                    |
|-------------------------|---|---|-------------|------------------------------------|
|                         | 24. Kiểm tra, theo dõi, đánh giá định kỳ đối với những nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện; xử lý các vấn đề phân cấp phát hiện qua kiểm tra đạt từ 80% trở lên | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch kiểm tra định kỳ đối với các nhiệm vụ quản lý nhà nước đã phân cấp cho cấp huyện;</li> <li>- QĐ thành lập đoàn kiểm tra;</li> <li>- Kết luận kiểm tra;</li> <li>- Báo cáo kết quả khắc phục của đơn vị được kiểm tra</li> </ul> | Thanh tra   | Đơn vị có liên quan                |
| <b>Cải cách công vụ</b> | 25. Thực hiện rà soát, hoàn chỉnh bản mô tả vị trí việc làm, khung năng lực công chức, viên chức theo chức năng, nhiệm vụ (khi có quy định điều chỉnh mới)                      | Bản mô tả vị trí việc làm   | Phòng TCCB. | Các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở. |
|                         | 26. Thực hiện tinh giản biên chế năm 2021 đạt 100% chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra   | KH tinh giản biên chế năm 2021 và báo cáo kết quả thực hiện tinh giản biên chế năm 2021   | Phòng TCCB  | Các đơn vị thuộc và trực thuộc Sở. |
|                         | 27. Thực hiện đúng quy trình, thẩm quyền tuyển dụng, ký kết hợp đồng lao động (nếu có tuyển dụng mới)   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện;</li> <li>- QĐ tuyển dụng; hồ sơ có liên quan;</li> <li>- Hợp đồng lao động.</li> </ul>  | Phòng TCCB  | Các đơn vị có liên quan.           |
|                         | 28. Thực hiện đúng quy định về tiêu chuẩn, quy trình và thẩm quyền bổ nhiệm vị trí lãnh đạo   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông báo danh sách bổ nhiệm, bổ nhiệm lại trong năm 2021;</li> <li>- Quyết định và hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại.</li> </ul>   | Phòng TCCB  | Các đơn vị có liên quan.           |
|                         | 29. Kết quả chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính tại đơn vị: không có công chức, viên chức bị kỷ luật   | Báo cáo kết quả kỷ luật công chức, viên chức năm 2021   | Phòng TCCB  | Các đơn vị có liên quan.           |
|                         | 30. Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC đạt từ 80% trở lên so với kế hoạch đề ra   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2021;</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2021.</li> </ul>  | Phòng TCCB  | Các đơn vị có liên quan.           |
|                         | 31. Thực hiện đúng quy định về thi, xét thăng hạng viên chức tại đơn vị sự nghiệp công lập (nếu có)   | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện; Kế hoạch thi, xét thăng hạng;</li> <li>- Quyết định thành lập Hội đồng; Các hồ sơ có liên quan.</li> </ul>  | Phòng TCCB  | Các đơn vị có liên quan.           |
|                         | 32. Thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính tại Sở và đơn vị trực thuộc   | BC kết quả thực hiện cơ chế tự chủ của đơn vị theo Mẫu số 7 Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV năm 2019.  | Phòng KH-TC | Các đơn vị có liên quan.           |



|   |  |  |                  |                          |
|---|--|--|------------------|--------------------------|
| <b>Cải cách tài chính công</b>                  | 33. Số lượng đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc thực hiện tự bảo đảm một phần hoặc tự đảm bảo hoàn toàn chi thường xuyên năm 2021 tăng so với năm 2020   | - Báo cáo kết quả thực hiện năm 2020 và năm 2021;<br>- Quyết định giao quyền thực hiện chế độ tự chủ của UBND tỉnh.  | Phòng KH-TC      | Các đơn vị có liên quan. |
|   | 34. 100% đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc triển khai thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm  | - Báo cáo kết quả thực hiện theo Phụ lục 06 Thông tư 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 của Bộ Tài chính hoặc Phụ lục 6 Thông tư 113/2007/TT-BTC ngày 24/9/2007 của Bộ Tài chính;   | Phòng KH-TC      | Các đơn vị có liên quan. |
|   | 35. Tỷ lệ đơn vị sự nghiệp công lập (đã triển khai cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm) thực hiện đúng quy định về việc phân phối kết quả tài chính trong năm hoặc sử dụng kinh phí tiết kiệm chi thường xuyên trong năm đạt từ 70% trở lên | - File hình ảnh mẫu biểu báo cáo và công văn thống nhất của Sở Tài chính.  |                  |                          |
|   | 36. Kết quả thực hiện cơ chế tài chính theo quy định trong năm tại Sở (có thu nhập tăng thêm từ 1.0 lần lương cơ sở/người/tháng)   | Báo cáo kết quả thực hiện theo Biểu số 7 Thông tư liên tịch số 71/2014/TTLT-BTC-BNV ngày 30/5/2014; Phụ lục 06 Thông tư 145/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017  | Phòng KH-TC      | Các đơn vị có liên quan. |
|   | 37. Thực hiện phân phối thu nhập tiết kiệm, hiệu quả dựa trên cơ sở phân loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ   | Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2021 và công văn thống nhất của Sở Tài chính.  | Phòng KH-TC      | Các đơn vị có liên quan. |
| <b>Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử</b> | 38. Thực hiện trao đổi văn bản với các cơ quan dưới dạng điện tử có sử dụng chữ ký số chiếm tỷ lệ cao trên tổng số VB điện tử  | - Thống kê tổng số VB điện tử có sử dụng chữ ký số trong năm 2021; Thống kê tổng số văn bản đi của cơ quan được gửi dưới dạng văn bản điện tử trên hệ thống QLVB&ĐH;<br>- Báo cáo tình hình ứng dụng CNTT, phát triển chính phủ điện tử. | Văn phòng        | Tổ CNTT                  |
|   | 39. Tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính trên phần mềm một cửa điện tử đạt từ 95% trở lên   | Số liệu công khai trên phần mềm một cửa điện tử  | Các phòng CM, NV | Văn phòng                |
|   | 40. Tỷ lệ công chức thường xuyên sử dụng phần mềm quản lý văn bản điều hành đạt từ 90% trở lên   | Thống kê số công chức được cấp tài khoản sử dụng phần mềm QLVB&ĐH; Thống kê số công chức thường xuyên sử dụng phần mềm QLVB&ĐH (số lần đăng nhập trên 30 lần/tháng; số ngày đăng   | Tổ CNTT          | Các phòng CM, NV         |

|  |  |  |           |                                   |
|--|--|--|-----------|-----------------------------------|
|  |  | nhập trên 15 ngày/tháng).  |           |                                   |
| 41. Tỷ lệ xử lý công việc trên phần mềm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ của UBND tỉnh giao đạt từ 80% trở lên  |  | - Báo cáo kết quả thực hiện;<br>- Thống kê tổng số nhiệm vụ được giao trên phần mềm;<br>- Thống kê tổng số nhiệm vụ được giao đã hoàn thành trên phần mềm.   | Văn phòng | Tổ CNTT                           |
| 42. Mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến: 100% TTHC trong tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết được cung cấp trực tuyến ở mức độ 2; có từ 20% TTHC trở lên được cung cấp mức độ 3; có từ 10% TTHC trở lên được cung cấp mức độ 4. |  | - Báo cáo kết quả thực hiện;<br>- Thông báo cung cấp dịch vụ công trực tuyến ở các mức độ;<br>- Kiểm tra trên phần mềm Một cửa điện tử.  | Văn phòng | Tổ Kiểm soát TTHC                 |
| 43. Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3, 4 có phát sinh hồ sơ đạt từ 60% trở lên   |  | - Báo cáo kết quả thực hiện;<br>- Thống kê tổng số TTHC mức độ 3, 4;<br>- Thống kê số TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến trong năm 2021.   | Văn phòng | Trung tâm Phục vụ hành chính công |
| 44. Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận và xử lý trực tuyến mức độ 3 đạt từ 40% trở lên   |  | - Báo cáo kết quả thực hiện;<br>- Thống kê tổng số hồ sơ đã tiếp nhận (cả trực tuyến và truyền thống) của các TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 3;<br>- Thống kê số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến của các TTHC nêu trên. | Văn phòng | Trung tâm Phục vụ hành chính công |
| 45. Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận và xử lý trực tuyến mức độ 4 đạt từ 30% trở lên   |  | - Báo cáo kết quả thực hiện;<br>- Thống kê tổng số hồ sơ đã tiếp nhận (cả trực tuyến và truyền thống) của các TTHC có phát sinh hồ sơ trực tuyến mức độ 4;<br>- Thống kê số hồ sơ đã tiếp nhận trực tuyến của các TTHC nêu trên. | Văn phòng | Trung tâm Phục vụ hành chính công |
| 46. Tỷ lệ TTHC đã triển khai dịch vụ bưu chính công ích có phát sinh hồ sơ đạt từ 50% trở lên  |  | Thống kê danh mục TTHC đã triển khai thực hiện tiếp nhận và trả kết quả qua dịch vụ BCCI, trong số đó, thống kê số TTHC có phát sinh hồ sơ đã sử dụng dịch vụ BCCI   | Văn phòng | Trung tâm Phục vụ hành chính công |
| 47. Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận qua dịch vụ bưu chính công ích đạt từ 15% trở lên  |  | - Thống kê danh mục TTHC đã triển khai thực hiện tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ;<br>- Thống kê tổng số hồ sơ đã tiếp nhận trong năm (cả tiếp nhận qua   | Văn phòng | Trung tâm Phục vụ hành chính công |

|  |   |  |           |   |
|--|---|--|-----------|---|
|  |   | dịch vụ BCCI và qua hình thức khác) của các TTHC nêu trên;<br>- Thống kê số hồ sơ đã tiếp nhận qua dịch vụ BCCI của các TTHC nêu trên; báo cáo tình hình triển khai dịch vụ bưu chính công ích.  |           |   |
|  | 48. Tỷ lệ hồ sơ TTHC được trả qua dịch vụ bưu chính công ích đạt từ 15% trở lên   | - Thống kê danh mục TTHC đã triển khai thực hiện trả kết quả qua dịch vụ BCCI có phát sinh hồ sơ; Thống kê tổng số hồ sơ đã trả kết quả trong năm (cả tiếp nhận qua dịch vụ BCCI và qua hình thức khác) của các TTHC nêu trên; Thống kê số hồ sơ đã được trả kết quả qua dịch vụ BCCI của các TTHC nêu trên;<br>- Báo cáo tình hình triển khai dịch vụ bưu chính công ích. | Văn phòng | Trung tâm Phục vụ hành chính công         |
|  | 49. Website cơ quan: Có công khai, cập nhật thông tin số điện thoại, email của lãnh đạo, Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả, các phòng ban chuyên môn, đơn vị trực thuộc để công dân, tổ chức tiện liên hệ; Có xây dựng và duy trì Chuyên mục hỏi - đáp, góp ý của công dân, tổ chức; Có Chuyên mục CCHC; Cập nhật thông tin, tin, bài; Có chức năng tìm kiếm thông tin trên website. | Báo cáo kết quả thực hiện kèm đường link.  | Tổ CNTT   | Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở. |
|  | 50. Duy trì, cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng: Cập nhật kịp thời các thay đổi của văn bản QPPL liên quan vào Hệ thống quản lý chất lượng để áp dụng (trong thời gian chậm nhất là 03 tháng kể từ khi văn bản QPPL có hiệu lực thi hành); Thực hiện đánh giá nội bộ và xem xét của lãnh đạo; thực hiện công bố lại khi có sự điều chỉnh.   | - Danh mục thông tin dạng văn bản bên ngoài;<br>- Hồ sơ đánh giá nội bộ, xem xét lãnh đạo; mục tiêu hất lượng, chính sách chất lượng;<br>- Hồ sơ đánh giá nội bộ;<br>- Quyết định công bố lại.   | Văn phòng | Thư ký ISO                                |